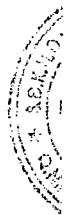


SCIC Công ty
ĐẾN 19-11-2015
Số CV đến 5027

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CAFATEX**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014**



MỤC LỤC

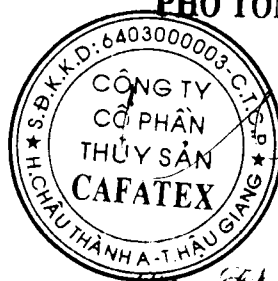
Trang

01. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 3
02. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
03. Bảng cân đối kế toán	6 - 9
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	10
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 26

SAO Y BẢN CHÍNH

ngày..17..tháng...11..năm..2015

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lâm Thành Thi

SAO
Y
BẢN
CHÍNH
H. CHAU THANH A - T. HAU GIANG
CAFATEX

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Kịch	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Đào Quý Phúc	Thành viên
- Ông Lâm Thành Ghi	Thành viên
- Ông Trần Minh Thành	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Hữu Thiều	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên
- Bà Trần Kim Uyên	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương	Thành viên

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Kịch	Tổng Giám đốc
- Ông Tô Việt Khải	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lâm Thành Ghi	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang. Công ty không có các đơn vị trực thuộc.

5. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao

- Nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản xuất khẩu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm nông, thủy, súc sản qua chế biến, đóng gói, thực phẩm, hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối các loại vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ cho ngành nuôi trồng, khai thác, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản;
- Cung cấp dịch vụ thiết kế, lắp đặt, bảo trì thiết bị, máy móc, công cụ cơ điện lạnh cho các nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu kinh doanh xuất nhập khẩu, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy súc sản.

6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**
7. **Đánh giá tình hình kinh doanh**
Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 26.
8. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**
Hội đồng quản trị công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.
9. **Kiểm toán**
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty.
10. **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:
 - Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
 - Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
 - Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
 - Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
 - Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

11. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Handwritten signature

Nguyễn Văn Kịch

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hậu Giang, ngày 04 tháng 05 năm 2015

000003
GTY
HÂN
SẢN
TEX
T.HÀU

SĐK



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

386/51 Lê Văn Sĩ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

Số: 69 /2015/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex ("Công ty"), được lập ngày 04 tháng 05 năm 2015, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

292/33/33 Bình Lợi, P.13 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

137 Trần Hưng Đạo, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766
Email: svc-ct@vnn.vn



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phùng Chí Thành

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0184-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2015

Phạm Văn Giới

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0178-2013-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		491.522.392.247	483.565.900.895
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.462.739.149	2.083.551.164
1. Tiền	111		1.462.739.149	2.083.551.164
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	53.981.422.951	64.285.591.719
1. Phải thu khách hàng	131		39.614.544.284	49.675.748.835
2. Trả trước cho người bán	132		14.073.841.106	13.749.517.844
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		802.080.131	1.003.897.155
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(509.042.570)	(143.572.115)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	434.074.420.728	413.425.866.611
1. Hàng tồn kho	141		434.074.420.728	423.806.343.458
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(10.379.476.847)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	2.003.809.419	3.770.891.401
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		461.976.851	363.486.809
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		750.800.476	2.388.303.605
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	38.638.653
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		791.032.092	980.462.334

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		152.649.978.194	159.950.717.614
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		136.278.400.164	141.496.904.758
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	123.983.674.265	129.705.365.051
<i>Nguyên giá</i>	222		267.774.118.517	265.468.588.670
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(143.790.444.252)	(135.763.223.619)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	3.839.435.123	3.859.746.023
<i>Nguyên giá</i>	228		3.880.056.923	3.880.056.923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(40.621.800)	(20.310.900)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		8.455.290.776	7.931.793.684
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.7	16.371.578.030	18.453.812.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16.371.578.030	18.452.480.143
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	1.332.713
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		644.172.370.441	643.516.618.509

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		546.891.303.803	548.804.701.837
I. Nợ ngắn hạn	310		543.741.846.373	544.569.996.527
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		509.689.500.135	521.099.275.018
2. Phải trả người bán	312	V.8	33.207.953.602	20.171.050.556
3. Người mua trả tiền trước	313		925.313.282	3.381.418.513
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	227.466.191	-
5. Phải trả người lao động	315		2.456.185.387	2.838.992.368
6. Chi phí phải trả	316	V.10	354.528.730	501.689.190
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	1.313.515.765	917.381.601
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(4.432.616.719)	(4.339.810.719)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.149.457.430	4.234.705.310
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	3.141.936.800	4.234.705.310
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		7.520.630	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.281.066.638	94.711.916.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	97.281.066.638	94.711.916.672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		98.809.600.000	98.809.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.117.667.674)	(1.117.667.674)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		17.934.300.572	17.934.300.572
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		423.000.000	423.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(18.768.166.260)	(21.337.316.226)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		644.172.370.441	643.516.618.509

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

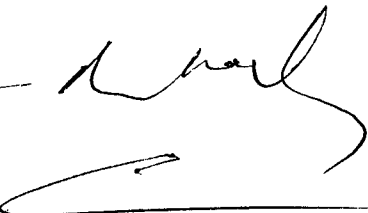
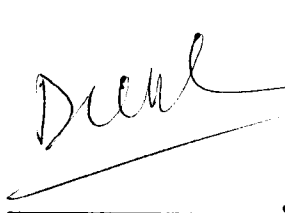
Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		481.393.950	481.393.950
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		62.287,03	82.232,69
Euro (EUR)		360,97	371,89
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		32.637	32.425
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trần Thị Ngọc Dung
Người lập biểuTrần Minh Thành
Kế toán trưởngNguyễn Văn Kịch
Tổng Giám đốc

Lập ngày 04 tháng 05 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		630.617.582.857	641.098.853.338
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(700.158.973.433)	(696.167.958.968)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.342.775.395)	(30.392.607.271)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(28.975.449.620)	(34.969.248.395)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(73.689.617)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		167.824.695.399	190.630.412.995
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.705.352.042)	(45.741.445.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.186.038.149	24.458.005.745
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.569.709.832)	(719.800.065)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		57.455.361	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.034.422	9.676.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.506.220.049)	(710.123.480)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

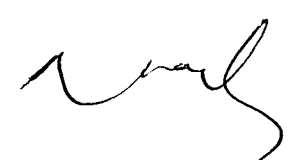
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

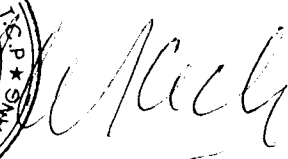
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.742.133.030.031	1.931.158.850.158
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.756.433.660.146)	(1.953.104.607.866)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.300.630.115)	(21.945.757.708)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(620.812.015)	1.802.124.557
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.083.551.164	281.426.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.462.739.149	2.083.551.164



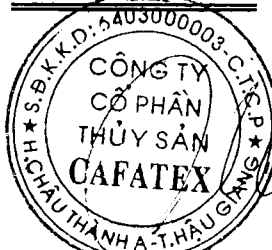
Trần Thị Ngọc Dung
Người lập biểu



Trần Minh Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kịch
Tổng Giám đốc
Lập ngày 04 tháng 05 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex được thành lập do chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước, Xí nghiệp Chế biến Thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ, thành công ty cổ phần theo Quyết định số 209/QĐ-CT.UB ngày 27/02/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000003 ngày 02/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 11/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 98.809.600.000 đồng.

Nhóm cổ đông	Số CP	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC (Vốn Nhà nước)	286.548	28.654.800.000	29,0%
- Cổ đông khác	701.548	70.154.800.000	71,0%
Cộng	988.096	98.809.600.000	100,0%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 là: 98.809.600.000.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang. Công ty không có các đơn vị trực thuộc.

3. Các công ty con và công ty liên kết: không có.**4. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản xuất khẩu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm nông, thủy, súc sản qua chế biến, đóng gói, thực phẩm, hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối các loại vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ cho ngành nuôi trồng, khai thác, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản;
- Cung cấp dịch vụ thiết kế, lắp đặt, bảo trì thiết bị, máy móc, công cụ cơ điện lạnh cho các nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm xuất khẩu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu kinh doanh xuất nhập khẩu, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy súc sản.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại ngày 31/12/2014 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cầm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian khấu hao ước tính

- 51 - 74 năm
- 22 năm
- 22 năm
- 22 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ giá trị lợi thế thương mại, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản ước tính là 10 năm.

7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí xây lắp được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí các khoản dự phòng phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển ... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và số chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

12. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

Do Công ty đặt ở địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn, hoạt động trong lĩnh vực quy định tại Danh mục ưu đãi đầu tư nên được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%, áp dụng trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2004). Công ty được miễn thuế TNDN 4 năm (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2016). Năm 2014 là năm thứ 7 Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

13 Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	3.406.183	17.287.095
Tiền gửi ngân hàng	1.459.332.966 (a)	2.066.264.069
Cộng	1.462.739.149	2.083.551.164

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi bằng VND	112.862.382	315.208.135
- Tiền gửi bằng USD	1.331.509.840	1.734.040.735
- Tiền gửi bằng EUR	9.219.896	10.541.872
- Tiền gửi bằng JPY	5.740.848	6.473.327
Cộng	1.459.332.966	2.066.264.069

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	39.614.544.284 (b)	49.675.748.835
Trả trước cho người bán	14.073.841.106 (c)	13.749.517.844
Các khoản phải thu khác	802.080.131 (d)	1.003.897.155
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(509.042.570) (e)	(143.572.115)
Cộng	53.981.422.951	64.285.591.719

(b) Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng trong nước	4.045.240.816	4.014.052.443
- Phải thu khách hàng nước ngoài	35.569.303.468	45.661.696.392
Cộng	39.614.544.284	49.675.748.835

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:

Người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước nhà cung cấp trong nước	2.310.439.289	2.733.095.789
- Trả trước nhà cung cấp nước ngoài	132.415.817	132.415.817
- Ban quản lý KCN Hậu Giang	11.630.986.000	10.884.006.238
Cộng	14.073.841.106	13.749.517.844

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu tiền lãi vay hỗ trợ lãi suất	566.288.917	566.288.917
- Phải thu người lao động về BHXH, YT, TN	183.692.130	185.151.432
- Phải thu khác	52.099.084	252.456.806
Cộng	802.080.131	1.003.897.155

(e) Chi tiết số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số dự phòng
- Nợ quá hạn trên 3 năm	509.042.570	100%	509.042.570
Cộng			509.042.570

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.187.270.685 (f)	7.902.068.686
Công cụ, dụng cụ	969.205.081 (g)	1.013.405.539
Thành phẩm	426.917.944.962 (h)	414.889.869.233
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- (i)	(10.379.476.847)
Cộng	434.074.420.728	413.425.866.611

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 10.379.476.847.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không.

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên vật liệu chính (tôm nguyên liệu)	49.318.331	694.991.301
- Vật liệu phụ	160.201.424	873.127.305
- Nhiên liệu	18.870.742	22.997.953
- Phụ tùng thay thế	284.567.423	286.426.367
- Vật liệu, thiết bị xây dựng	100.496.392	100.496.392
- Bao bì đóng gói	1.979.459.558	2.835.237.001
- Vật liệu phòng công nghệ	3.531.485.901	2.986.682.744
- Vật liệu khác	62.870.914	102.109.623
Cộng	6.187.270.685	7.902.068.686

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

(g) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ	969.205.081	1.013.405.539
Cộng	969.205.081	1.013.405.539

(h) Chi tiết số dư thành phẩm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thành phẩm thủy sản các loại	426.917.944.962	414.889.869.233
Cộng	426.917.944.962	414.889.869.233

(i) Chi tiết số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	10.379.476.847	10.379.476.847
- Số trích lập trong năm	-	-
- Số hoàn nhập trong năm	(10.379.476.847)	-
- Số cuối năm	-	10.379.476.847

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	461.976.851	363.486.809
Thuế GTGT được khấu trừ	750.800.476	2.388.303.605
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	-	38.638.653
Tài sản ngắn hạn khác	791.032.092 (j)	980.462.334
Cộng	2.003.809.419	3.770.891.401

Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí bảo hiểm tài sản	90.151.515	101.922.727
- Thuế nhập khẩu thủy sản tạm nộp	371.825.336	261.564.082
Cộng	461.976.851	363.486.809

(j) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	791.032.092	980.462.334
Cộng	791.032.092	980.462.334

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên giá	265.468.588.670	2.420.431.007	114.901.160	267.774.118.517
- Nhà cửa, vật kiến trúc	89.777.668.878	1.316.616.155	-	91.094.285.033
- Máy móc thiết bị	145.771.305.696	461.713.727	-	146.233.019.423
- PT vận tải, TB truyền dẫn	28.993.620.431	87.455.361	63.000.000	29.018.075.792
- Thiết bị quản lý	925.993.665	554.645.764	51.901.160	1.428.738.269

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

Hao mòn lũy kế	135.763.223.619	8.084.666.432	57.445.799	143.790.444.252
- Nhà cửa, vật kiến trúc	27.309.579.204	1.536.259.992	-	28.845.839.196
- Máy móc thiết bị	89.270.320.756	5.365.519.469	-	94.635.840.225
- PT vận tải, TB truyền dẫn	18.499.741.356	1.144.718.533	5.544.639	19.638.915.250
- Thiết bị quản lý	683.582.303	38.168.438	51.901.160	669.849.581

Giá trị còn lại	129.705.365.051			123.983.674.265
- Nhà cửa, vật kiến trúc	62.468.089.674			62.248.445.837
- Máy móc thiết bị	56.500.984.940			51.597.179.198
- PT vận tải, TB truyền dẫn	10.493.879.075			9.379.160.542
- Thiết bị quản lý	242.411.362			758.888.688

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 106.664.590.596
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 36.873.746.070
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Tài sản tăng do mua sắm	742.101.125
- Tài sản tăng do đầu tư XDCB	1.678.329.882
Cộng	2.420.431.007

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Tài sản giảm do thanh lý, nhượng bán	114.901.160
Cộng	114.901.160

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	8.084.666.432
Cộng	8.084.666.432

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Thanh lý, nhượng bán	57.445.799
Cộng	57.445.799

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	3.880.056.923	-	-	3.880.056.923
- Quyền sử dụng đất	3.778.502.423	-	-	3.778.502.423
- Phần mềm kế toán	101.554.500	-	-	101.554.500
Hao mòn lũy kế	20.310.900	20.310.900	-	40.621.800
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	20.310.900	20.310.900	-	40.621.800

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

Giá trị còn lại	3.859.746.023	3.839.435.123
- Quyền sử dụng đất	3.778.502.423	3.778.502.423
- Phần mềm kế toán	81.243.600	60.932.700

Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	20.310.900
Cộng	20.310.900

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm TSCĐ	5.767.465.924	5.706.131.004
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.687.824.852	2.225.662.680
Cộng	8.455.290.776	7.931.793.684

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	16.371.578.030 (k)	18.452.480.143
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.332.713
Cộng	16.371.578.030	18.453.812.856

(k) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị lợi thế thương mại	646.592.460	862.123.281
- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.923.864.893	10.087.223.263
- Chi phí sửa chữa tài sản	6.801.120.677	7.503.133.599
Cộng	16.371.578.030	18.452.480.143

Giá trị lợi thế thương mại, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí năm 2014 với thời gian phân bổ ước tính là 10 năm.

9. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bằng VND		
- BIDV Tây Nam, Cần Thơ	78.392.179.110	-
Vay ngắn hạn bằng USD		
- Vietcombank Cần Thơ	139.605.542.400	148.536.828.000
- Vietcombank Cần Thơ (vay chiết khấu)	-	897.673.590
- SHB Cần Thơ	170.978.625.000	220.464.585.000
- SHB Cần Thơ (vay chiết khấu)	2.586.375.000	2.678.049.000
- BIDV Tây Nam, Cần Thơ	102.241.370.250	140.806.198.421
- BIDV Tây Nam, Cần Thơ (vay chiết khấu)	15.885.408.375	7.715.941.007
Cộng	509.689.500.135	521.099.275.018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

10. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp trong nước	32.233.765.541	20.118.695.906
- Nhà cung cấp nước ngoài	974.188.061	52.354.650
Cộng	33.207.953.602	20.171.050.556

11. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	188.987.862	113.861.552
- Khách hàng nước ngoài	736.325.420	3.267.556.961
Cộng	925.313.282	3.381.418.513

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.784.101	-
- Thuế thu nhập cá nhân	6.682.090	-
Cộng	227.466.191	-

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí lãi vay	354.528.730	501.689.190
Cộng	354.528.730	501.689.190

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	391.867.905	120.901.338
- BHXH, BHYT, BHTN	572.454.130	465.995.870
- Phải trả khác	349.193.730	330.484.393
Cộng	1.313.515.765	917.381.601

15. Các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vietcombank Cần Thơ (VND)	341.000.000	605.000.000
- Vietcombank Cần Thơ (USD)	2.800.936.800	3.629.705.310
Cộng	3.141.936.800	4.234.705.310

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	98.809.600.000	-	-	98.809.600.000
Thặng dư vốn	(1.117.667.674)	-	-	(1.117.667.674)
Vốn khác	17.934.300.572	-	-	17.934.300.572
Quỹ dự phòng tài chính	423.000.000	-	-	423.000.000
LN sau thuế chưa phân phối	(21.580.960.624)	3.145.619.748	2.901.975.350	(21.337.316.226)
Cộng	94.468.272.274	3.145.619.748	2.901.975.350	94.711.916.672

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	98.809.600.000	-	-	98.809.600.000
Thặng dư vốn	(1.117.667.674)	-	-	(1.117.667.674)
Vốn khác	17.934.300.572	-	-	17.934.300.572
Quỹ dự phòng tài chính	423.000.000	-	-	423.000.000
LN sau thuế chưa phân phối	(21.337.316.226)	5.104.015.295	2.534.865.329	(18.768.166.260)
Cộng	94.711.916.672	5.104.015.295	2.534.865.329	97.281.066.638

c. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- SCIC (Vốn Nhà nước)	28.654.800.000	28.654.800.000
- Cổ đông khác	70.154.800.000	70.154.800.000
Cộng	98.809.600.000	98.809.600.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 0

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn đầu năm	98.809.600.000	98.809.600.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn cuối năm	98.809.600.000	98.809.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

f. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	988.096	988.096
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	988.096	988.096
+ Cổ phiếu thường	988.096	988.096
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	988.096	988.096
+ Cổ phiếu thường	988.096	988.096
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	611.572.217.786	611.375.215.321
Cộng	611.572.217.786	611.375.215.321

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm	535.680.215.638	532.980.053.634
Cộng	535.680.215.638	532.980.053.634

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	6.034.422	9.676.585
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.800.647.819	7.811.703.830
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	307.167.828	278.464.226
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	207.321.641
Cộng	3.113.850.069	8.307.166.282

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	28.975.449.620	34.934.230.176
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	26.709.689
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.867.959.092	12.750.196.357
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.487.638.228	1.726.860.081
Cộng	38.331.046.940	49.437.996.303

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.405.362.982	13.371.214.075
- Chi phí bằng tiền khác	4.369.540.048	4.850.283.153
Cộng	16.774.903.030	18.221.497.228

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	10.537.250.424	11.213.617.925
- Chi phí vật liệu quản lý	226.200.958	190.974.519
- Chi phí khấu hao TSCĐ	56.786.776	60.229.391
- Thuế, phí và lệ phí	228.454.391	299.614.691
- Chi phí dự phòng	365.470.455	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.195.472.980	1.582.555.214
- Chi phí bằng tiền khác	5.383.770.862	2.590.010.379
Cộng	18.993.406.846	15.937.002.119

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	57.455.361	-
- Thu bán phế liệu	333.323.000	-
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	62.916.846	74.769.061
- Các khoản thu khác	170.081.017	-
Cộng	623.776.224	74.769.061

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	57.455.361	-
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	26.517.982	34.981.632
- Chi phí khác	317.273	-
Cộng	84.290.616	34.981.632

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	333.112.371	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	333.112.371	-

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (21.337.316.226)

Lợi nhuận trước thuế năm nay 5.445.981.009

Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN 665.726.135

- Các khoản chi phí không được trừ 665.726.135

Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN -

Chênh lệch tạm thời chịu thuế 150.412.598

- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá nợ phải thu gốc ngoại tệ cuối năm 150.412.598

Lợi nhuận chịu thuế năm nay 5.961.294.546

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 333.112.371

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 8.853.343

Tổng lợi nhuận sau thuế (16.233.300.931)

- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi 2.534.865.329

Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm (18.768.166.260)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.104.015.295	3.145.619.748
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.104.015.295	3.145.619.748
- Số CP phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	988.096	988.096
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.166	3.184

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.
3. Thông tin về các bên liên quan: không có.
4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

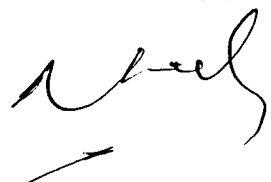
5. Thông tin về hoạt động liên tục

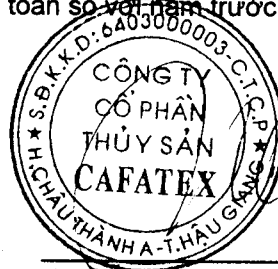
Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.


Trần Thị Ngọc Dung
Người lập


Trần Minh Thành
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Kịch
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 04 tháng 05 năm 2015

**DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH**

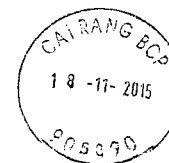
NGƯỜI GỬI / FROM:

Tel:

10437

E69 01608741

826g



[Signature]

NGƯỜI NHẬN / TO: NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Chi nhánh Khu vực phía Nam

Đ/c: 16 Trường Chinh, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Tel: 0905 669 696

CÔNG TY CỔ PHẦN CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN
VNPOST EXPRESS JOINT STOCK COMPANY
Hotline: 1900 54 54 33 / Website: www.ems.com.vn